

Số: **721** /QĐ-BNN-KHCN

Hà Nội, ngày **09** tháng 4 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục các dự án khuyến nông Trung ương thực hiện từ năm 2011
(đợt 2)**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 và Nghị định 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 2808/QĐ-BNN-KHCN ngày 22/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt danh mục các chương trình, dự án khuyến nông Trung ương giai đoạn 2011- 2015;

Căn cứ các biên bản họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm dự án Khuyến nông Trung ương giai đoạn 2011- 2015;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục các dự án khuyến nông Trung ương thực hiện từ năm 2011 (đợt 2) theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính, Trung tâm Khuyến nông quốc gia chỉ đạo và hướng dẫn các Tổ chức chủ trì và cá nhân Chủ nhiệm dự án triển khai thực hiện các dự án theo các quy định quản lý Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Vụ trưởng Vụ Tài chính; Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia; Tổ chức chủ trì, cá nhân Chủ nhiệm dự án, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHCN.

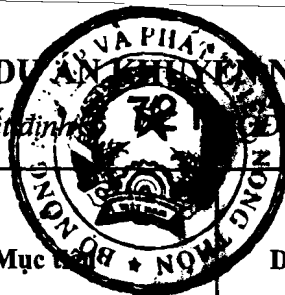
**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**




Bùi Bá Bổng

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHUYẾN LÂM NÔNG TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN TỪ NĂM 2011 (đợt 2)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 100/BNN-KHCN ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ NN-PTNT)



TT	Tên dự án	Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm	 Mục tiêu	Dự kiến kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Tr.đ)				Địa điểm triển khai
						Tổng	2011	2012	2013	
I Chương trình khuyến lâm						37.493	15.400	13.700	8.393	
1	Trồng rừng cây nguyên liệu thâm canh	Trung tâm KNQG; Nguyễn Viết Khoa	Góp phần thực hiện mục tiêu chương trình phát triển rừng kinh tế chủ lực cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp giấy, ván nhân tạo, gỗ trụ mỏ; tạo nguồn nguyên liệu bền vững, ổn định phục vụ sản xuất giấy, ván dăm, ván nhân tạo và chuyển đổi cơ cấu cây trồng lâm nghiệp vùng nguyên liệu.	1530 ha rừng keo tai tượng, 131 ha rừng bạch đàn tỷ lệ sống trên 90%, trữ lượng từ 18-25m3/năm. 1308 hộ được tập huấn, 1400 người được tập huấn ngoài mô hình. 10 bộ tài liệu thông tin	2011-2013	15.000	6.000	6.000	3.000	Lai Châu, Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Vĩnh phúc, Phú Thọ, Yên Bái, Tuyên Quang, Lào Cai, Hà Giang, Thái Nguyên, Bắc Giang, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Lâm Đồng.
2	Trồng cây phân tán thâm canh	Trung tâm KNQG; Nguyễn Đức Hải	Phát triển trồng cây phân tán, góp phần sử dụng có hiệu quả diện tích đất có tiềm năng trồng cây lâm nghiệp ở vùng đồng bằng; tăng thu nhập cho người dân từ sản phẩm cây phân tán; tạo cảnh quan môi trường, tăng độ che phủ của rừng.	Xây dựng được 408 ha (677.280 cây) trồng keo tai tượng, 57 ha (114.000 cây) trồng bạch đàn uro, 20,6 ha (20.600 cây) trồng Lát hoa. 400 lượt hộ nông dân được tập huấn trong xây dựng mô hình, 560 lượt người được tập huấn ngoài mô hình.	2011-2013	5.400	2.400	2.000	1.000	Hà Nội, Hòa Bình, Sơn La, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Yên Bái, , Hà Giang.

TT	Tên dự án	Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm	Mục tiêu	Dự kiến kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Tr.đ)				Địa điểm triển khai
						Tổng	2011	2012	2013	
3	Trồng cây lâm sản ngoài gỗ làm nguyên liệu	Trung tâm KNQG; Nguyễn Kế Tiếp	Nâng cao nhận thức người dân về giá trị của lâm sản ngoài gỗ làm nguyên liệu phục vụ xuất khẩu, tiêu thụ trong nước; giúp nông dân phát triển và sử dụng bền vững lâm sản ngoài gỗ từ đó tăng thu nhập và giảm sức ép đến rừng.	Trồng mới và chăm sóc được 457,9 ha Mây nếp, 91 ha Luồng. Tỷ lệ cây sống 95% Đào tạo được 555 lượt người	2011-2013	6.743	2.600	2.500	1.643	9 tỉnh: Hòa Bình, Sơn La, Ninh Bình, Thanh Hóa, Yên Bái, Bắc Kạn, Bắc Giang, Phú Thọ, Lạng Sơn
4	Trồng rừng gỗ lớn thâm canh (Keo tai tượng, Bạch đàn Urô)	Đại học Nông Lâm Thái Nguyên; Đặng Kim Vui	Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn thâm canh cho chủ rừng và nông dân miền núi; góp phần tăng năng suất rừng trồng khoảng 10% so với các mô hình quảng canh của nông dân, nâng cao tỷ lệ trồng cây gỗ lớn, tạo nguyên liệu trong nước	697 ha rừng cây gỗ lớn; 540 nông dân được đào tạo; 3590 lượt nông dân được tham gia hội thảo	2011-2013	7.850	3.300	2.300	2.250	9 tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hà Giang, Đắk Lắk, Kon Tum, Ninh Thuận,
5	Trồng cây Lâm sản ngoài gỗ thực phẩm	Trung tâm khuyến nông Lao Cai; Nguyễn Thị Dung	Nâng cao nhận thức người dân về giá trị của lâm sản ngoài gỗ làm thực phẩm đối với phát triển kinh tế hộ gia đình và bảo tồn tài nguyên rừng; giúp nông dân phát triển và sử dụng bền vững lâm sản ngoài gỗ từ đó tăng thu nhập và giảm sức ép đến rừng.	Trồng được 144 ha Thảo quả ở 210 hộ gia đình; 69,6 ha Tre măng Bát độ ở 60 hộ gia đình tại 3 tỉnh ; - Nâng cao năng lực cho ít nhất 265 lượt nông dân thông qua các hoạt động tập huấn kỹ thuật và tham quan học tập.	2011-2013	2.500	1.100	900	500	3 tỉnh: Yên Bái, Lao Cai, Lai Châu

TT	Tên dự án	Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm	Mục tiêu	Dự kiến kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Tr.đ)				Địa điểm triển khai
						Tổng	2011	2012	2013	
II Chương trình khuyến công						46.350	15.450	15.450	15.450	
1	Cơ giới hoá trong sản xuất lúa	Trung tâm KNQG; Hà Văn Biên	Phát triển dự án cơ giới hoá trong sản xuất lúa nhằm giúp nông dân thay đổi phương thức sản xuất, khắc phục được tình trạng thiếu lao động trong sản xuất nông nghiệp, đảm bảo kịp thời áp dụng cơ giới hoá đồng bộ, hạ giá thành sản phẩm, tạo ra vùng sản xuất hàng hóa tập trung, tăng thu nhập cho người sản xuất; nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, góp phần đẩy nhanh quá trình CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn.	Quy mô: 147 mô hình/3 năm; Tổng diện tích 5200 ha/3 năm với 109 điểm triển khai/3 năm. Triển khai được 109 máy làm đất đa năng/3 năm, 30 máy gặt đập liên hợp các loại/năm). Đào tạo tập huấn cho 1470 lượt nông dân/năm. Tổ chức cho 3920 lượt nông dân đến tham quan học tập/năm. Tăng năng suất lao động từ 30-40 lần; giảm chi phí sản xuất 25-30%; tăng hiệu quả kinh tế từ 20-40%.	2011-2013	25.500	8.500	8.500	8.500	Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Thái Nguyên, Yên Bái, Phú Thọ, Lào Cai, Quảng Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Gia Lai, Đắc Nông, Bạc Liêu, An Giang, Kiên Giang.
2	Cơ giới hoá trong sản xuất mía	Trung tâm KNQG; Đinh Hải Đăng	Phát triển dự án cơ giới hoá trong sản xuất mía nhằm giúp nông dân thay đổi phương thức sản xuất, khắc phục tình trạng thiếu lao động trong sản xuất nông nghiệp, đảm bảo kịp thời vụ; áp dụng cơ giới hoá đồng bộ, hạ giá thành sản phẩm, tăng thu nhập cho người sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp; góp phần đẩy nhanh quá trình CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn	Quy mô: 90 mô hình/ 3 năm; Tổng diện tích 1.200ha. Hỗ trợ vật tư, thiết bị: 180 máy làm đất, 30 máy chặt mía giải hàng, 150 máy nâng xếp mía. Đào tạo tập huấn cho 2.700 lượt nông dân. Tổ chức cho 7.200 lượt nông dân đến tham quan học tập. Giảm chi phí sản xuất 30-35%, Tăng hiệu quả kinh tế 20-30%	2011-2013	18.000	6.000	6.000	6.000	Tuyên Quang, Thanh Hoá , Nghệ An, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Gia Lai, Bình Thuận, Kon Tum, Đắc Nông, Hoà Bình, Sơn La, Cao Bằng, Ninh Thuận.

TT	Tên dự án	Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm	Mục tiêu	Dự kiến kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Tr.đ)				Địa điểm triển khai
						Tổng	2011	2012	2013	
3	Xây dựng mô hình tổ hợp tác và áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất muối sạch	Trung tâm KNQG; Nguyễn Đức Khắc	Phát triển mô hình Tổ hợp tác và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất muối sạch nhằm giúp diêm dân thay đổi phương thức sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng, sản lượng muối đáp ứng yêu cầu thị trường, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần xoá đói giảm nghèo, đẩy nhanh quá trình Công nghiệp hoá- Hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.	Qui mô 12 ha; Tăng năng suất từ 80 lên 120 Tấn/ha/năm; Tập huấn cho 600 người trực tiếp tham gia mô hình; Đào tạo cho 1200 người ngoài mô hình; Tăng thu nhập cho người lao động từ 1,6-2,0 Triệu đồng	2011-2013	2.850	950	950	950	Hải phòng; Thái bình; nam định; Thanh hoá; Nghệ an; Quảng bình; Hà tĩnh; Quảng trị
III Các Hội, đoàn thể chính trị						15.900	5.300	5.300	5.300	
1	Phát triển nuôi các đối tượng cá truyền thống và nuôi cá hồ chứa tại các tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh	Trung tâm hỗ trợ nông dân, nông thôn; Nguyễn Thị Loan	Phát triển nuôi trồng thủy sản nhằm tận dụng tiềm năng mặt nước tại các vùng nông thôn, tận dụng các phụ phẩm nông nghiệp, tạo nguồn thực phẩm tại chỗ; giải quyết việc làm cho người lao động ở nông thôn, xoá đói giảm nghèo, cải thiện đời sống người nông dân và quản lý cộng đồng dự án hồ chứa	Quy mô 12ha, năng suất 9 tấn/ha, đào tạo 270 lượt người/năm trong và ngoài mô hình	2011-2013	1.500	500	500	500	Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh

TT	Tên dự án	Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm	Mục tiêu	Dự kiến kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Tr.đ)				Địa điểm triển khai
						Tổng	2011	2012	2013	
2	Sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP tại các tỉnh Hoà Bình, Bắc Giang, Hà Nam, Hưng Yên, Ninh Bình, Phú Yên	Trung tâm hỗ trợ nông dân, nông thôn; Nguyễn Thị Loan	Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và sức khỏe cho người tiêu dùng; góp phần hình thành vùng sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người sản xuất; nâng cao chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh trong việc tiêu thụ trong nước cũng như xuất khẩu; từng bước hình thành chuỗi giá trị trong sản xuất từ quản lý, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm (áp dụng VietGAP)	Quy mô 72ha, năng suất bình quân trên 20 tấn/ha, tập huấn 1.260 lượt nông dân trong và ngoài mô hình.	2011-2013	1.800	600	600	600	Hoà Bình, Bắc Giang, Hà Nam, Hưng Yên, Ninh Bình, Phú Yên
3	Phát triển chăn nuôi gia cầm ATSH và áp dụng VietGAP tại các tỉnh: Lạng Sơn, Hoà Bình, Tuyên Quang, Thái Bình, Nghệ An, Bà Rịa Vũng Tàu	Trung tâm hỗ trợ nông dân, nông thôn; Phạm Văn Đức	Giúp nông dân nâng cao nhận thức, trình độ kỹ thuật chăn nuôi gia cầm theo hướng ATSH và áp dụng VietGAP; góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển chăn nuôi gia cầm theo hướng tập trung, tăng thu nhập cho nông dân	Quy mô 21.000 con, tập huấn kỹ thuật cho 294 lượt người/ năm trong và ngoài mô hình; tỷ lệ sống đạt $\geq 95\%$, trọng lượng xuất chuồng đạt $\geq 2\text{kg/con}$	2011-2013	1.200,0	400,0	400,0	400,0	Lạng Sơn, Hoà Bình, Tuyên Quang, Thái Bình, Nghệ An, Bà Rịa Vũng Tàu

TT	Tên dự án	Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm	Mục tiêu	Dự kiến kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Tr.đ)				Địa điểm triển khai
						Tổng	2011	2012	2013	
4	Phát triển kỹ thuật chăn nuôi và vỗ béo gia súc lớn tại các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Hoà Bình	Hội LH phụ nữ Việt Nam; Phạm Thị Hà	Giúp nông dân phát triển nghề chăn nuôi gia súc ăn cỏ lấy thịt (trâu, bò, dê, cừu) theo hướng trang trại và sản xuất hàng hoá; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng thịt trong chăn nuôi gia súc lấy thịt, bảo vệ môi trường và tăng thu nhập cho người chăn nuôi	Quy mô 350 con bò vỗ béo/ năm; tốc độ tăng trọng đạt $\geq 700\text{g/con/ngày}$; tập huấn kỹ thuật cho 240 lượt người/ năm	2011-2013	1.500	500	500	500	Cao Bằng, Bắc Kạn, Hoà Bình
5	Phát triển sản xuất giống lúa chất lượng tại các tỉnh: Bắc Giang, Lạng Sơn, Thừa Thiên Huế, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Bình, Điện Biên	Hội LH phụ nữ Việt Nam; Phạm Thị Hà	Cung cấp cho sản xuất nguồn giống lúa chất lượng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất lúa; đưa những giống lúa mới vào sản xuất, góp phần hình thành vùng sản xuất lúa chất lượng cao	Quy mô 70ha/ năm, năng suất dự kiến đạt 4,8- 5,5 tấn/ha, tập huấn kỹ thuật cho 270 lượt người/ năm	2011-2013	1.500	500	500	500	Bắc Giang, Lạng Sơn, Thừa Thiên Huế, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Bình, Điện Biên
6	Phát triển kỹ thuật chăn nuôi và vỗ béo gia súc lớn tại các tỉnh: Thanh Hoá, Lào Cai, Tuyên Quang	Hội Cựu chiến binh VN; Hà Sỹ Hiệp	Giúp nông dân phát triển nghề chăn nuôi gia súc ăn cỏ lấy thịt (bò) theo hướng trang trại và sản xuất hàng hoá; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng thịt trong chăn nuôi gia súc lấy thịt, bảo vệ môi trường và tăng thu nhập cho người chăn nuôi	Quy mô 520 con bò vỗ béo/ năm; tốc độ tăng trọng đạt $\geq 700\text{g/con/ngày}$; tập huấn kỹ thuật cho 300 lượt người/ năm	2011-2013	2.400	800	800	800	Thanh Hoá, Lào Cai, Tuyên Quang

TT	Tên dự án	Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm	Mục tiêu	Dự kiến kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Tr.đ)				Địa điểm triển khai
						Tổng	2011	2012	2013	
7	Phát triển nuôi cá rô phi đơn tính đực theo quy trình GAP tại các tỉnh: Lạng Sơn, Yên Bái, Hà Giang, Sơn La	Trung ương Đoàn TN CSHCM; Nguyễn Thanh Hương	Hình thành các vùng nuôi tập trung, phát triển sản xuất theo hướng hàng hoá, tạo vùng nguyên liệu xuất khẩu đảm bảo nông thôn ATVSTP; góp phần giải quyết việc làm cho người lao động ở nông thôn, xoá đói giảm nghèo, thay đổi cơ cấu kinh tế, cải thiện đời sống	Quy mô 12ha, năng suất 8- 14 tấn/ha, tập huấn 600 lượt thanh niên	2011-2013	1.200	400	400	400	Lạng Sơn, Yên Bái, Hà Giang, Sơn La
8	Phát triển trồng mới cây ăn quả đặc sản (quýt) theo hướng GAP tại các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lào Cai, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Hoà Bình, Hà Tĩnh	Trung ương Đoàn TN CSHCM; Phương Đình Anh	Góp phần mở rộng diện tích các giống cây ăn quả đặc sản bản địa và các giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất, cạnh tranh với hàng hoá nhập và xuất khẩu; góp phần định hướng sản xuất cây ăn quả theo hướng VietGAP	Quy mô 81ha, tập huấn 900 lượt thanh niên nông thôn	2011-2013	1.800	600	600	600	Cao Bằng, Bắc Kạn, Lào Cai, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Hoà Bình, Hà Tĩnh

TT	Tên dự án	Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm	Mục tiêu	Dự kiến kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Tr.đ)				Địa điểm triển khai
						Tổng	2011	2012	2013	
9	Chăn nuôi lợn ATSH và áp dụng VietGAP tại các tỉnh: Lạng Sơn, Bắc Giang, Sóc Trăng, Thanh Hoá, Tiền Giang, Nghệ An, Cần Thơ	Cục Quân nhu; Lê Thành Vinh	Góp phần nâng cao nhận thức, trình độ kỹ thuật của bộ đội trong việc chăn nuôi lợn an toàn sinh học; nâng cao năng suất, chất lượng thịt trong chăn nuôi lợn, phát triển chăn nuôi lợn theo hướng bền vững, cải thiện đời sống bộ đội	Quy mô 500 con/năm; tập huấn 150 lượt người/năm, tham quan 150 lượt người/năm	2011-2013	900	300	300	300	E12, F3, Quân khu 1 (Lạng Sơn); F325 Quân đoàn 2 (Bắc Giang); Trường quân sự Quân khu 9 (Sóc Trăng); Kho K895 Tổng cục kỹ thuật (Thanh Hoá); Đoàn 229 Quân Khu 9 (Tiền Giang); Lữ đoàn 414 Quân khu 4 (Nghệ An); Lữ đoàn phòng không 226 Quân khu 9 (Cần Thơ)
10	Phát triển nuôi các đối tượng cá truyền thống và nuôi cá hồ chứa tại các tỉnh: Thái Nguyên, Phú Thọ, Yên Bái, Tuyên Quang, Bắc Giang, Hoà Bình, Vĩnh Phúc, An Giang	Cục Quân nhu; Nguyễn Đăng Hà	Phát triển nuôi trồng thủy sản nhằm tận dụng tiềm năng mặt nước, tạo nguồn thực phẩm tại chỗ nhằm cải thiện đời sống bộ đội	Quy mô 2,4ha/năm; năng suất đạt 8 tấn/ha; tập huấn 150 lượt người/năm; tham quan học tập 150 lượt người/năm	2011-2013	1.200	400	400	400	Trường Quân sự quân khu 1 (Thái Nguyên); Sư đoàn 316 (Phú Thọ, Yên Bái, Tuyên Quang); E299 Quân đoàn 1 (Hoà Bình); Trường Sĩ quan tăng thiết giáp (Vĩnh Phúc); E3, F330 Quân khu 9 (An Giang);

16

TT	Tên dự án	Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm	Mục tiêu	Dự kiến kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Tr.đ)				Địa điểm triển khai
						Tổng	2011	2012	2013	
11	Sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP tại các tỉnh: Bắc Giang, Ninh Bình, Nghệ An, Phú Thọ, Đồng Tháp	Cục Quân nhu; Lê Thành Vinh	Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và sức khỏe cho bộ đội; nâng cao trình độ sản xuất rau an toàn và chất lượng sản phẩm, cải thiện đời sống bộ đội	Quy mô 4ha/năm; năng suất rau ăn lá đạt 100 tấn/ha; tập huấn kỹ thuật cho 100 lượt người/năm; tham quan học tập 100 lượt người/năm	2011-2013	900	300	300	300	E2, F3 Quân khu 1 (Bắc Giang); E18, F325 Quân đoàn 2 (Bắc Giang); Lữ đoàn phòng không 241 Quân đoàn 1 (Ninh Bình); E684 Quân khu 4 (Nghệ An); Lữ đoàn 297 Quân khu 2 (Phú Thọ); E9, F8 Quân khu 9 (Đồng Tháp)
IV Dự án Khuyến ngư						1.500	500	500	500	
1	Nhân rộng mô hình trồng rong sụn trong lồng lưới trên biển	Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Ninh Thuận; Đỗ Kim Tâm	Ứng dụng công nghệ lồng lưới vào trồng rong Sụn mang tính sản xuất bền vững, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế trồng rong Sụn cho bà con nông- ngư dân	Quy mô 4ha/năm; năng suất rong Sụn quy khô đạt 20 tấn/ha; tập huấn kỹ thuật cho 150 lượt người/năm; tham quan học tập 200 lượt người/năm	2011-2013	1.500	500	500	500	Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa
Tổng cộng (I+II+III+IV)						101.243	36.650	34.950	29.643	
						(Một trăm linh một tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu đồng)				

18